

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HK1/2020-2021 ĐHCQ
HỆ CLC THEO TT23

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20-21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1	16020006	Bùi Việt Hoàng	K61ĐTVT-CLC	0	7,000,000	7,000,000
2	16020132	Phạm Đình Hoàng	K61ĐTVT-CLC	0	13,300,000	13,300,000
3	16020133	Trần Huy Hoàng	K61ĐTVT-CLC	0	2,100,000	2,100,000
4	16020155	Lâm Hải Phong	K61ĐTVT-CLC	0	4,200,000	4,200,000
5	16020156	Lê Phong	K61ĐTVT-CLC	0	6,300,000	6,300,000
6	16020157	Vũ Tuấn Phúc	K61ĐTVT-CLC	0	7,000,000	7,000,000
7	16020160	Nguyễn Nhật Quân	K61ĐTVT-CLC	0	6,300,000	6,300,000
8	16020174	Nguyễn Hoài Thu	K61ĐTVT-CLC	0	2,100,000	2,100,000
9	16020183	Trần Thanh Tùng	K61ĐTVT-CLC	0	2,100,000	2,100,000
10	16020185	Lê Thành Vinh	K61ĐTVT-CLC	0	4,200,000	4,200,000
11	16022305	Nguyễn Thái Dương	K61ĐTVT-CLC	0	21,300,000	21,300,000
12	16020046	Nguyễn Văn Mạnh	K61KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
13	16020047	Vũ Duy Mạnh	K61KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
14	16020062	Vũ Thị Thanh Lâm	K61KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
15	16020199	Nguyễn Tiến Tuấn Anh	K61KHMT-CLC	0	7,000,000	7,000,000
16	16020213	Trần Vũ Đức	K61KHMT-CLC	0	13,300,000	13,300,000
17	16020214	Bùi Văn Trí Dũng	K61KHMT-CLC	0	2,100,000	2,100,000
18	16020216	Đỗ Ngọc Duy	K61KHMT-CLC	0	7,000,000	7,000,000
19	16020226	Dương Minh Hiếu	K61KHMT-CLC	0	6,300,000	6,300,000
20	16020227	Phan Đăng Trung Hiếu	K61KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
21	16020240	Lê Việt Huy	K61KHMT-CLC	0	4,200,000	4,200,000
22	16020249	Đào Xuân Lộc	K61KHMT-CLC	0	4,200,000	4,200,000
23	16020258	Nguyễn Phạm Việt Nam	K61KHMT-CLC	0	6,300,000	6,300,000
24	16020267	Nguyễn Như Duy Phương	K61KHMT-CLC	0	7,000,000	7,000,000
25	16020272	Nguyễn Duy Quang	K61KHMT-CLC	0	6,300,000	6,300,000
26	16020278	Đỗ Đức Tâm	K61KHMT-CLC	0	2,100,000	2,100,000
27	16020280	Phan Tuấn Thành	K61KHMT-CLC	0	7,000,000	7,000,000
28	16020282	Mẫn Minh Thảo	K61KHMT-CLC	0	2,100,000	2,100,000
29	16020300	Bùi Đức Anh	K61KHMT-CLC	0	2,100,000	2,100,000
30	16020397	Nguyễn Thanh Lâm	K61KHMT-CLC	0	4,200,000	4,200,000
31	16022401	Nguyễn Duy Võ Anh	K61KHMT-CLC	0	3,500,000	3,500,000
32	16022402	Nguyễn Huy Chương	K61KHMT-CLC	0	7,000,000	7,000,000
33	16022404	Lưu Trường Giang	K61KHMT-CLC	0	8,400,000	8,400,000
34	16022410	Nguyễn Đức Mạnh	K61KHMT-CLC	0	2,100,000	2,100,000
35	16022414	Nguyễn Xuân Nam	K61KHMT-CLC	0	8,400,000	8,400,000
36	16022419	Phạm Xuân Thành	K61KHMT-CLC	0	7,000,000	7,000,000
37	16022421	Nguyễn Quang Triệu	K61KHMT-CLC	0	9,100,000	9,100,000
38	16022480	Nguyễn Năng Sơn	K61KHMT-CLC	0	2,100,000	2,100,000
39	16022491	Hoàng Tuấn Anh	K61KHMT-CLC	54,050,000	15,000,000	69,050,000
40	16022494	Nguyễn Chiến Thắng	K61KHMT-CLC	0	8,400,000	8,400,000
41	17020045	Phạm Quang Anh	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
42	17020052	Nguyễn Huy Hoàng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
43	17020053	Ngô Minh Hoàng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
44	17020061	Đỗ Thị Hồng Ngát	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
45	17020173	Dương Thị Thúy Hằng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
46	17020174	Nguyễn Thế Duyệt	K62KHMT-CLC	29,250,000	15,000,000	44,250,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
47	17021204	Nguyễn Việt An	K62KHMT-CLC	49,150,000	15,000,000	64,150,000
48	17021205	Nguyễn Công Tuấn Anh	K62KHMT-CLC	0	19,200,000	19,200,000
49	17021207	Nguyễn Tuấn Anh	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
50	17021209	Trương Việt Anh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
51	17021210	Trần Anh Bảo	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
52	17021211	Đỗ Văn Bằng	K62KHMT-CLC	0	19,200,000	19,200,000
53	17021213	Nguyễn Quốc Cường	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
54	17021214	Trần Văn Cường	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
55	17021215	Nguyễn Duy Diễm	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
56	17021216	Đào Tiên Dũng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
57	17021217	Đặng Mạnh Dũng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
58	17021218	Đoàn Đình Dũng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
59	17021219	Hạ Anh Dũng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
60	17021220	Hoàng Ngọc Dũng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
61	17021221	Nguyễn Thành Duy	K62KHMT-CLC	0	25,500,000	25,500,000
62	17021222	Nguyễn Tuấn Duy	K62KHMT-CLC	0	25,500,000	25,500,000
63	17021224	Phạm Đức Duy	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
64	17021225	Trình Đức Duy	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
65	17021227	Nguyễn Minh Dương	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
66	17021228	Nguyễn Văn Dương	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
67	17021229	Vũ Trọng Dương	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
68	17021230	Bùi Tiến Đạt	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
69	17021231	Đỗ Thành Đạt	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
70	17021232	Nguyễn Hữu Đạt	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
71	17021233	Phạm Vương Đăng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
72	17021234	Nguyễn Minh Đức	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
73	17021235	Nguyễn Công Trường Giang	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
74	17021236	Phan Thê Giang	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
75	17021237	Bùi Quang Hà	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
76	17021238	Hà Minh Hải	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
77	17021240	Phạm Lê Minh Hải	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
78	17021241	Nguyễn Phương Hằng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
79	17021242	Phạm Tuấn Hiệp	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
80	17021244	Hoàng Văn Hiếu	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
81	17021246	Nguyễn Trung Hiếu	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
82	17021247	Nguyễn Trung Hiếu	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
83	17021248	Trần Đức Hiếu	K62KHMT-CLC	0	23,400,000	23,400,000
84	17021251	Trần Bá Hoà	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
85	17021252	Nguyễn Hữu Hòa	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
86	17021253	Đặng Hữu Hoàn	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
87	17021254	Lê Đình Hoàng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
88	17021255	Nguyễn Minh Hoàng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
89	17021256	Nguyễn Trọng Hoàng	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
90	17021257	Nguyễn Việt Hoàng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
91	17021259	Nguyễn Mạnh Hùng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
92	17021260	Nguyễn Quang Hùng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
93	17021261	Phạm Thanh Hùng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
94	17021262	Nguyễn Quang Huy	K62KHMT-CLC	0	20,600,000	20,600,000
95	17021263	Nguyễn Quang Huy	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
96	17021264	Nguyễn Thái Huy	K62KHMT-CLC	0	16,400,000	16,400,000
97	17021266	Nguyễn Xuân Huy	K62KHMT-CLC	0	24,800,000	24,800,000
98	17021267	Phạm Quốc Huy	K62KHMT-CLC	0	16,400,000	16,400,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20-21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
99	17021268	Trần Quang Huy	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
100	17021269	Nguyễn Kiều Hưng	K62KHMT-CLC	0	21,300,000	21,300,000
101	17021270	Phan Quang Hưng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
102	17021272	Lê Quốc Khánh	K62KHMT-CLC	0	12,075,000	12,075,000
103	17021273	Mẫn Quốc Khánh	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
104	17021274	Nguyễn Duy Khánh	K62KHMT-CLC	59,250,000	15,000,000	74,250,000
105	17021275	Vũ Quốc Khánh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
106	17021276	Nguyễn Minh Khôi	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
107	17021278	Lê Kiên	K62KHMT-CLC	0	15,700,000	15,700,000
108	17021279	Lê Cao Tùng Lâm	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
109	17021280	Nguyễn Đức Lâm	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
110	17021281	Nguyễn Trọng Lâm	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
111	17021283	Đặng Nhật Linh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
112	17021284	Lưu Hoài Linh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
113	17021285	Nguyễn Tuấn Linh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
114	17021286	Phạm Tuấn Linh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
115	17021288	Khổng Thị Mai Loan	K62KHMT-CLC	0	9,150,000	9,150,000
116	17021289	Võ Thúc Hoàng Long	K62KHMT-CLC	0	16,400,000	16,400,000
117	17021290	Nguyễn Thành Lộc	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
118	17021291	Phạm Khánh Ly	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
119	17021292	Nguyễn Quỳnh Mai	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
120	17021295	Dương Hải Minh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
121	17021296	Mạc Đình Minh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
122	17021297	Nguyễn Đình Minh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
123	17021298	Nguyễn Đình Nhật Minh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
124	17021300	Nguyễn Ngọc Minh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
125	17021302	Trần Tuấn Minh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
126	17021304	Nguyễn Nam	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
127	17021305	Nguyễn Thành Nam	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
128	17021306	Phạm Công Nam	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
129	17021307	Phạm Đình Nam	K62KHMT-CLC	4,900,000	21,300,000	26,200,000
130	17021308	Phạm Hoàng Nam	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
131	17021309	Trần Hải Nam	K62KHMT-CLC	0	19,200,000	19,200,000
132	17021311	Cao Minh Nhật	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
133	17021312	Phạm Đắc Ngọc Nhật	K62KHMT-CLC	0	16,400,000	16,400,000
134	17021313	Đình Công Phan	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
135	17021314	Nguyễn Ngọc Phong	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
136	17021315	Lê Xuân Phú	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
137	17021316	Bùi Văn Phúc	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
138	17021318	Phan Tất Phúc	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
139	17021319	Lê Quang Phước	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
140	17021321	Trần Thu Phương	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
141	17021323	Nguyễn Hợp Quang	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
142	17021324	Nguyễn Hồng Quân	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
143	17021325	Nguyễn Minh Quân	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
144	17021326	Nguyễn Tuấn Quốc	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
145	17021328	Dương Hoàng Sơn	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
146	17021330	Phạm Thái Sơn	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
147	17021331	Trần Lê Hoàng Sơn	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
148	17021332	Lê Minh Tâm	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
149	17021333	Lâm Hà Thái	K62KHMT-CLC	0	10,905,000	10,905,000
150	17021334	Nguyễn Duy Thái	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
151	17021335	Nguyễn Chí Thành	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
152	17021336	Vũ Công Thi	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
153	17021337	Phạm Đình Thiện	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
154	17021338	Lê Văn Thịnh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
155	17021339	Nguyễn Quý Thịnh	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
156	17021340	Thiều Minh Thịnh	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
157	17021341	Lê Trung Thông	K62KHMT-CLC	0	19,200,000	19,200,000
158	17021342	Nhữ Anh Thư	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
159	17021343	Nguyễn Vương Tiến	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
160	17021344	Trần Việt Tiến	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
161	17021345	Lê Khánh Toàn	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
162	17021346	Phạm Ngọc Anh Trang	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
163	17021347	Đỗ Quốc Trung	K62KHMT-CLC	0	17,800,000	17,800,000
164	17021348	Hà Minh Tuấn	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
165	17021350	Phạm Minh Tuấn	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
166	17021351	Hoàng Sơn Tùng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
167	17021352	Lê Thanh Tùng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
168	17021353	Nguyễn Ngọc Thanh Tùng	K62KHMT-CLC	0	9,150,000	9,150,000
169	17021354	Nguyễn Sĩ Tùng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
170	17021356	Trịnh Thanh Tùng	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
171	17021357	Trần Quang Vinh	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
172	17021359	Nguyễn Ngọc Anh Vũ	K62KHMT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
173	17021360	Đình Bảo Vương	K62KHMT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
174	17020172	Nguyễn Quỳnh Chi	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
175	17020485	Hoàng Thanh An	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
176	17020486	Hoàng Quang Anh	K62KTĐT-CLC	0	16,400,000	16,400,000
177	17020487	Đỗ Đức Bình	K62KTĐT-CLC	0	12,650,000	12,650,000
178	17020488	Nguyễn Thanh Bình	K62KTĐT-CLC	29,250,000	15,000,000	44,250,000
179	17020489	Bùi Đức Chiến	K62KTĐT-CLC	0	21,300,000	21,300,000
180	17020490	Nghiêm Mạnh Cường	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
181	17020491	Nguyễn Mạnh Cường	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
182	17020492	Trần Trọng Duy	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
183	17020493	Nguyễn Hoàng Dương	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
184	17020494	Phạm Huy Dương	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
185	17020496	Nguyễn Tiến Đồng	K62KTĐT-CLC	0	16,400,000	16,400,000
186	17020497	Nguyễn Tiến Đức	K62KTĐT-CLC	0	18,500,000	18,500,000
187	17020498	Nguyễn Xuân Đức	K62KTĐT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
188	17020499	Phạm Minh Đức	K62KTĐT-CLC	0	20,600,000	20,600,000
189	17020500	Bùi Hoàng Giang	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
190	17020502	Phan Xuân Hải	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
191	17020503	Phùng Đông Hải	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
192	17020504	Nguyễn Thị Hiền	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
193	17020506	Lê Chí Hiếu	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
194	17020507	Nguyễn Đình Hiếu	K62KTĐT-CLC	0	16,400,000	16,400,000
195	17020508	Vũ Đức Hiếu	K62KTĐT-CLC	0	16,400,000	16,400,000
196	17020509	Nguyễn Lê Hoàng	K62KTĐT-CLC	0	16,400,000	16,400,000
197	17020510	Tổng Trần Hoàng	K62KTĐT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
198	17020511	Nguyễn Quang Huy	K62KTĐT-CLC	0	18,500,000	18,500,000
199	17020512	Phan Đình Hưng	K62KTĐT-CLC	0	18,500,000	18,500,000
200	17020514	Nguyễn Quang Khải	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
201	17020516	Nguyễn Đức Kiên	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
202	17020517	Phạm Anh Kim	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20-21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
203	17020518	Trần Thanh Lâm	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
204	17020519	Vũ Tùng Lâm	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
205	17020520	Phạm Thị Phương Linh	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
206	17020522	Hoàng Vũ Long	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
207	17020524	Hoàng Văn Lộc	K62KTĐT-CLC	0	17,100,000	17,100,000
208	17020525	Nguyễn Thành Luân	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
209	17020527	Nguyễn Xuân Mạnh	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
210	17020528	Bùi Đức Minh	K62KTĐT-CLC	0	19,200,000	19,200,000
211	17020531	Phùng Thế Ngọc	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
212	17020532	Vũ Xuân Phúc	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
213	17020533	Đỗ Danh Phương	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
214	17020535	Đỗ Duy Thanh	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
215	17020536	Đào Đức Thành	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
216	17020537	Đỗ Ngọc Thắng	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
217	17020538	Bùi Đình Thông	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
218	17020539	Đỗ Văn Thuận	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
219	17020540	Nguyễn Văn Thuận	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
220	17020541	Đào Phú Toàn	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
221	17020542	Lâm Xuân Toàn	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
222	17020543	Nguyễn Huy Toàn	K62KTĐT-CLC	14,250,000	15,000,000	29,250,000
223	17020544	Trịnh Đức Toàn	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
224	17020545	Trần Lưu Tôn	K62KTĐT-CLC	29,253,000	15,000,000	44,253,000
225	17020546	Vũ Công Tới	K62KTĐT-CLC	0	16,400,000	16,400,000
226	17020547	Bùi Lê Duy Trung	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
227	17020548	Nguyễn Thành Trung	K62KTĐT-CLC	59,250,000	15,000,000	74,250,000
228	17020549	Lê Cao Tuấn	K62KTĐT-CLC	0	16,400,000	16,400,000
229	17020550	Nguyễn Sĩ Tuấn	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
230	17020551	Quách Văn Tuấn	K62KTĐT-CLC	29,250,000	15,000,000	44,250,000
231	17020552	Bùi Sơn Tùng	K62KTĐT-CLC	0	15,000,000	15,000,000
232	18020041	Đào Công Minh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
233	18020109	Nguyễn Trường An	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
234	18020125	Hoàng Nghĩa Anh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
235	18020151	Nguyễn Phúc Tiên Anh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
236	18020155	Đỗ Quang Anh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
237	18020160	Đoàn Ngọc Anh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
238	18020161	Bùi Tuấn Anh	K63ĐTVT-CLC	0	19,600,000	19,600,000
239	18020177	Lê Thị Hồng ánh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
240	18020182	Nguyễn Ngọc ánh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
241	18020190	Hoàng Đình Bách	K63ĐTVT-CLC	51,516,775	17,500,000	69,016,775
242	18020219	Đặng Đức Cảnh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
243	18020223	Đỗ Văn Chí	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
244	18020225	Vũ Minh Chiến	K63ĐTVT-CLC	51,516,775	17,500,000	69,016,775
245	18020229	Trần Thế Chiến	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
246	18020273	Lê Văn Đạo	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
247	18020324	Nguyễn Xuân Đức	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
248	18020327	Nguyễn Duy Đức	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
249	18020336	Đào Minh Đức	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
250	18020339	Lê Huy Đức	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
251	18020344	Nguyễn Ngọc Đức	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
252	18020356	Nguyễn Trung Đức	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
253	18020367	Nguyễn Anh Dũng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
254	18020375	Bùi Trí Dũng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
255	18020387	Đào Hồng Dương	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
256	18020401	Bùi Công Dương	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
257	18020412	Nguyễn Văn Duy	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
258	18020431	Lê Quang Giang	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
259	18020436	Dương Thị Hà	K63ĐTVT-CLC	64,016,775	17,500,000	81,516,775
260	18020451	Phạm Thanh Hải	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
261	18020475	Trần Minh Hiệp	K63ĐTVT-CLC	51,516,775	17,500,000	69,016,775
262	18020492	Nguyễn Minh Hiếu	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
263	18020501	Diêm Đăng Hiếu	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
264	18020522	Bùi Quang Hiệu	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
265	18020548	Nguyễn Thái Hoàng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
266	18020552	Nguyễn Minh Hoàng	K63ĐTVT-CLC	64,016,775	17,500,000	81,516,775
267	18020559	Đặng Huy Hoàng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
268	18020561	Nguyễn Ngọc Hoàng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
269	18020591	Dương Văn Hùng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
270	18020602	Lê Văn Hùng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
271	18020606	Nguyễn Việt Hưng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
272	18020608	Vũ Đình Hưng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
273	18020609	Lưu Bách Hưng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
274	18020615	Ngô Mạnh Hưng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
275	18020618	Phạm Việt Hưng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
276	18020619	Trần Thanh Hương	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
277	18020628	Ngô Quang Huy	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
278	18020639	Vũ Quang Huy	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
279	18020647	Lương Đức Huy	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
280	18020690	Đào Ngọc Khánh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
281	18020706	Vũ Ngọc Khánh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
282	18020719	Nguyễn Việt Huy Khôi	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
283	18020735	Kiều Văn Kiên	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
284	18020743	Phạm Tùng Lâm	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
285	18020744	Phạm Tùng Lâm	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
286	18020757	Nguyễn Phương Liên	K63ĐTVT-CLC	64,016,775	17,500,000	81,516,775
287	18020774	Lê Đình Linh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
288	18020775	Lê Thị Mỹ Linh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
289	18020791	Nguyễn Đức Long	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
290	18020820	Đại Đức Long	K63ĐTVT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
291	18020829	Trần Gia Long	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
292	18020830	Nguyễn Ngọc Long	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
293	18020844	Phạm Đào Hoàng Long	K63ĐTVT-CLC	0	19,600,000	19,600,000
294	18020849	Đoàn Đức Long	K63ĐTVT-CLC	700,000	11,650,000	12,350,000
295	18020875	Nguyễn Đức Mạnh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
296	18020894	Nguyễn Ngọc Minh	K63ĐTVT-CLC	0	19,600,000	19,600,000
297	18020903	Nguyễn Văn Minh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
298	18020933	Nguyễn Vũ Giang Nam	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
299	18020934	Chu Văn Nam	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
300	18020939	Hoàng Minh Nam	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
301	18020974	Đỗ Văn Nhất	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
302	18020984	Trương Thị Cẩm Nhung	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
303	18020987	Vũ Oanh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
304	18021007	Nguyễn Thành Phúc	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
305	18021039	Hồ Đức Quân	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
306	18021055	Phan Đức Quang	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
307	18021059	Lê Vương Quốc	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
308	18021065	Lê Minh Quyền	K63ĐTVT-CLC	0	19,600,000	19,600,000
309	18021072	Lê Thanh Sang	K63ĐTVT-CLC	0	11,650,000	11,650,000
310	18021082	Nguyễn Hồng Sơn	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
311	18021084	Lê Minh Sơn	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
312	18021101	Vũ Mậu Sơn	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
313	18021137	Nguyễn Hoàng Thăng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
314	18021155	Lê Tấn Thắng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
315	18021157	Bùi Quang Việt Thắng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
316	18021165	Nguyễn Kiên Thanh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
317	18021188	Vũ Đình Thành	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
318	18021190	Vũ Đức Thành	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
319	18021209	Trần Vũ Thiện	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
320	18021225	Phạm Thế Thịnh	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
321	18021243	Đỗ Tiến Thu	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
322	18021244	Vũ Kim Thư	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
323	18021249	Bùi Đức Thuận	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
324	18021251	Chu Thế Thuận	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
325	18021260	Nguyễn Ngọc Thúy	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
326	18021285	Trần Minh Toàn	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
327	18021291	Nguyễn Đình Tới	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
328	18021316	Nguyễn Bá Trung	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
329	18021321	Nguyễn Thành Trung	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
330	18021325	Nguyễn Đức Trung	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
331	18021339	Trần Văn Trường	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
332	18021342	Ngô Duy Trường	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
333	18021349	Võ Hoàng Anh Tú	K63ĐTVT-CLC	700,000	17,500,000	18,200,000
334	18021368	Trần Minh Tuấn	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
335	18021369	Nguyễn Phúc Tuấn	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
336	18021392	Nguyễn Văn Tùng	K63ĐTVT-CLC	1,100	17,500,000	17,501,100
337	18021397	Nguyễn Văn Tùng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
338	18021398	Dương Thanh Tùng	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
339	18021409	Doãn Công Tuyên	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
340	18021416	Phạm Bá Văn	K63ĐTVT-CLC	0	15,400,000	15,400,000
341	18021422	Vũ Quốc Việt	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
342	18021440	Nguyễn Huy Vũ	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
343	18021444	Trần Trọng Vương	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
344	18021447	Viên Đức Vương	K63ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
345	18020009	Nguyễn Tấn Đạt	K63KHMT-CLC	0	19,600,000	19,600,000
346	18020021	Dương Quốc Hưng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
347	18020026	Trần Trung Kiên	K63KHMT-CLC	0	11,650,000	11,650,000
348	18020032	Nguyễn Hải Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
349	18020035	Mai Hoàng Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
350	18020047	Tạ Đình Quý	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
351	18020050	Nguyễn Minh Tân	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
352	18020101	Hàn Tiến Khánh An	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
353	18020104	Đoàn Đình An	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
354	18020106	Nguyễn Quốc An	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
355	18020107	Nguyễn Trường An	K63KHMT-CLC	64,016,775	17,500,000	81,516,775
356	18020112	Nguyễn Đăng An	K63KHMT-CLC	0	19,600,000	19,600,000
357	18020119	Đình Vĩnh Anh	K63KHMT-CLC	0	20,300,000	20,300,000
358	18020130	Đình Tiến Anh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
359	18020131	Trần Đức Anh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
360	18020138	Hoàng Đức Anh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
361	18020149	Trần Tuấn Anh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
362	18020159	Nguyễn Minh Anh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
363	18020167	Hoàng Việt Anh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
364	18020194	Trịnh Xuân Bách	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
365	18020212	Lê An Bình	K63KHMT-CLC	0	20,300,000	20,300,000
366	18020213	Dương Đình Bình	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
367	18020214	Lê Minh Bình	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
368	18020231	Trần Công Chiến	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
369	18020236	Lê Hữu Chung	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
370	18020245	Nguyễn Đức Công	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
371	18020286	Nguyễn Tiến Đạt	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
372	18020290	Nguyễn Tiến Đạt	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
373	18020294	Vũ Thành Đạt	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
374	18020335	Nguyễn Phú Đức	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
375	18020347	Lê Anh Đức	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
376	18020370	Nguyễn Mạnh Dũng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
377	18020386	Nguyễn Đức Dương	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
378	18020393	Nguyễn Đỗ Dương	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
379	18020403	Lương Tuấn Dương	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
380	18020424	Phạm Trường Giang	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
381	18020428	Lê Bằng Giang	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
382	18020429	Nguyễn Trường Giang	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
383	18020434	Nguyễn Đăng Hà	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
384	18020439	Nguyễn Phúc Hải	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
385	18020452	Võ Thanh Hải	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
386	18020461	Nguyễn Việt Hào	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
387	18020484	Vũ Chí Hiếu	K63KHMT-CLC	64,016,775	17,500,000	81,516,775
388	18020494	Vũ Minh Hiếu	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
389	18020495	Trần Minh Hiếu	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
390	18020502	Phạm Văn Hiếu	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
391	18020503	Phạm Văn Hiếu	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
392	18020507	Nguyễn Xuân Hiếu	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
393	18020510	Nguyễn Ngọc Hiếu	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
394	18020523	Bạch Quang Hiệu	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
395	18020527	Nguyễn Duy Hòa	K63KHMT-CLC	2,100,000	17,500,000	19,600,000
396	18020533	Thạch Minh Hoàn	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
397	18020543	Nguyễn Lê Hoàng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
398	18020544	Nguyễn Xuân Hoàng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
399	18020553	Đặng Huy Hoàng	K63KHMT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
400	18020554	Nguyễn Việt Hoàng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
401	18020555	Trần Long Hoàng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
402	18020557	Nguyễn Huy Hoàng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
403	18020565	Đào Huy Hoàng	K63KHMT-CLC	0	21,700,000	21,700,000
404	18020566	Nguyễn Việt Hoàng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
405	18020568	Phạm Việt Hoàng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
406	18020582	Phan Quang Hùng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
407	18020598	Trần Đức Hoàng Hùng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
408	18020599	Đinh Xuân Hùng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
409	18020635	Vũ Quang Huy	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
410	18020638	Nguyễn Tiến Hoàng Huy	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
411	18020649	Nguyễn Quang Huy	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
412	18020654	Đỗ Quang Huy	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
413	18020670	Bùi Đức Khải	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
414	18020685	Nguyễn Quốc Khánh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
415	18020691	Trần Quốc Khánh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
416	18020696	Đặng Quốc Khánh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
417	18020710	Nguyễn Quốc Khánh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
418	18020715	Nguyễn Văn Khiêm	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
419	18020737	Phạm Trung Kiên	K63KHMT-CLC	0	14,575,000	14,575,000
420	18020738	Hoàng Tuấn Kiệt	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
421	18020758	Hoàng Phương Linh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
422	18020762	Nguyễn Văn Linh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
423	18020763	Phùng Thị Khánh Linh	K63KHMT-CLC	0	19,600,000	19,600,000
424	18020779	Nguyễn Hữu Lộc	K63KHMT-CLC	0	19,600,000	19,600,000
425	18020780	Kiều Xuân Lộc	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
426	18020790	Nguyễn Duy Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
427	18020792	Nguyễn Phi Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
428	18020793	Nguyễn Việt Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
429	18020795	Nguyễn Tuấn Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
430	18020796	Nguyễn Hải Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
431	18020810	Hồ Tuấn Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
432	18020831	Nguyễn Thăng Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
433	18020833	Nguyễn Kim Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
434	18020836	Nguyễn Thành Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
435	18020852	Lê Kim Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
436	18020857	Hồ Đức Long	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
437	18020889	Đàm Tuấn Minh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
438	18020906	Nguyễn Đức Minh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
439	18020907	Mai Xuân Minh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
440	18020909	Trần Công Minh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
441	18020918	Phương Anh Mỹ	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
442	18020940	Bùi Hải Nam	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
443	18020949	Tân Lê Nghĩa	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
444	18020950	Lê Huy Ngọ	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
445	18020958	Vũ Minh Ngọc	K63KHMT-CLC	0	20,300,000	20,300,000
446	18020963	Nguyễn Đình Ngọc	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
447	18020966	Trần Quang Nguyên	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
448	18020967	Vũ Đức Nguyên	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
449	18020969	Trần Phan Nguyễn	K63KHMT-CLC	0	19,600,000	19,600,000
450	18020975	Lê Quang Nhật	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
451	18020981	Cao Cẩm Nhung	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
452	18020991	Nguyễn Đình Phan	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
453	18020992	Nguyễn Thê Phan	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
454	18021002	Nguyễn Trung Phong	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
455	18021009	Nguyễn Quang Phúc	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
456	18021014	Hồ Công Phùng	K63KHMT-CLC	0	20,300,000	20,300,000
457	18021017	Bùi Khánh Phương	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
458	18021027	Lê Thị Phương	K63KHMT-CLC	0	20,300,000	20,300,000
459	18021033	Lê Anh Quân	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
460	18021048	Trần Vinh Quang	K63KHMT-CLC	0	18,200,000	18,200,000
461	18021052	Nguyễn Văn Quang	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
462	18021058	Nguyễn Kiến Quốc	K63KHMT-CLC	0	28,000,000	28,000,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
463	18021063	Nguyễn Thị Quyên	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
464	18021069	Hoàng Như Quỳnh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
465	18021077	Nguyễn Hoàng Sơn	K63KHMT-CLC	34,125,000	17,500,000	51,625,000
466	18021078	Công Minh Sơn	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
467	18021102	Nguyễn Huy Sơn	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
468	18021107	Lê Văn Sỹ	K63KHMT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
469	18021113	Nguyễn Thị Minh Tâm	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
470	18021121	Dương Văn Tân	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
471	18021139	Phạm Hải Thắng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
472	18021159	Đỗ Trình Quốc Thắng	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
473	18021162	Nguyễn Ngọc Thắng	K63KHMT-CLC	34,016,775	17,500,000	51,516,775
474	18021173	Nguyễn Xuân Thành	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
475	18021174	Trần Trung Thành	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
476	18021202	Chu Quang Thế	K63KHMT-CLC	0	11,650,000	11,650,000
477	18021206	Hồ Văn Thép	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
478	18021210	Nguyễn Quang Thiện	K63KHMT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
479	18021222	Nguyễn Xương Thìn	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
480	18021228	Lê Thái Thịnh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
481	18021232	Ngô Doãn Thịnh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
482	18021235	Phan Bùi Phúc Thịnh	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
483	18021254	Ngô Công Thức	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
484	18021278	Trần Sách Tinh	K63KHMT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
485	18021286	Phạm Ngọc Toàn	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
486	18021309	Vũ Khánh Trình	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
487	18021319	Đình Thành Trung	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
488	18021338	Nguyễn Xuân Trường	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
489	18021346	Lộc Phi Trường	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
490	18021350	Nguyễn Ngọc Tú	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
491	18021352	Trịnh Tuấn Tú	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
492	18021361	Nguyễn Anh Tuấn	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
493	18021362	Nguyễn Đình Anh Tuấn	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
494	18021371	Nguyễn Mạnh Tuấn	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
495	18021383	Phạm Thế Tuấn	K63KHMT-CLC	0	20,300,000	20,300,000
496	18021424	Nguyễn Quốc Việt	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
497	18021433	Phạm Dương Vũ	K63KHMT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
498	19020157	Đào Tuấn Huy	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
499	19020161	hứa Quang Trường	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
500	19020998	Dương Duy Anh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
501	19020999	Nguyễn Tuấn Anh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
502	19021000	Trần Văn Cao	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
503	19021001	Phạm Công Chung	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
504	19021002	Đỗ Đức Công	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
505	19021003	Trần Văn Công	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
506	19021004	Dương Tuấn Cường	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
507	19021005	Nguyễn Huy Cường	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
508	19021006	Nguyễn Đức Cường	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
509	19021007	Nguyễn Nam Cường	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
510	19021008	Nguyễn Hồng Cường	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
511	19021010	Nguyễn Quang Đại	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
512	19021011	Triệu Văn Đăng	K64CNCĐT-CLC	-25,000	17,500,000	17,475,000
513	19021013	Nguyễn Minh Đạt	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
514	19021014	Phạm Thành Đạt	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
515	19021015	Vũ Tiến Đạt	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
516	19021016	Nguyễn Việt Đông	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
517	19021017	Phạm Trung Đức	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
518	19021018	Nguyễn Hữu Đức	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
519	19021019	Lại Huy Đức	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
520	19021020	Nguyễn Việt Dũng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
521	19021022	Lê Mạnh Dũng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
522	19021023	Nguyễn Quang Dũng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
523	19021024	Phạm Mạnh Dũng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
524	19021025	Nguyễn Việt Dũng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
525	19021026	Nguyễn Tùng Dương	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
526	19021027	Phạm Đình Đăng Dương	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
527	19021028	Hoàng Thế Dương	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
528	19021029	Nguyễn Bá Duy	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
529	19021030	Bùi Đức Duy	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
530	19021031	Nghiêm Đình Duy	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
531	19021032	Bùi Thanh Hà	K64CNCĐT-CLC	0	14,575,000	14,575,000
532	19021033	Hoàng Phúc Hải	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
533	19021034	Nguyễn Đức Hải	K64CNCĐT-CLC	0	14,575,000	14,575,000
534	19021035	Bùi Thị Dương Hải	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
535	19021036	Nguyễn Ngọc Hải	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
536	19021037	Nguyễn Văn Hải	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
537	19021038	Lương Văn Hạnh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
538	19021039	Nguyễn Tiên Hậu	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
539	19021040	Lê Văn Hậu	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
540	19021041	Vũ Thế Hiền	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
541	19021042	bùi khánh hiền	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
542	19021043	Nguyễn Tuấn Hiệp	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
543	19021044	Hoàng Đức Hiếu	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
544	19021045	Đỗ Hữu Hiếu	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
545	19021046	Phạm Minh Hiếu	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
546	19021047	Phí Văn Hòa	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
547	19021048	Phạm Xuân Hòa	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
548	19021051	Lê Huy Hoàng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
549	19021052	Đình Huy Hoàng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
550	19021053	Nghiêm Ngọc Hùng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
551	19021054	Nguyễn Việt Hùng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
552	19021056	Phạm Vũ Hùng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
553	19021057	Hoàng Văn Hưng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
554	19021058	Vũ Hải Hưng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
555	19021059	Nguyễn Quốc Huy	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
556	19021060	Chu Thiện Huy	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
557	19021062	Đặng Đình Huy	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
558	19021063	Nghiêm Quang Huy	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
559	19021064	Vũ Văn Huy	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
560	19021065	Dương Quốc Khánh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
561	19021066	Đoàn Mạnh Khánh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
562	19021067	Nguyễn Thế Khôi	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
563	19021069	Nguyễn Văn Kiên	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
564	19021070	Nguyễn Trung Kiên	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
565	19021071	Đỗ Đức Thanh Lâm	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
566	19021073	Hoàng Hải Long	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20-21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
567	19021074	Trần Công Lương	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
568	19021076	Trần Xuân lượng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
569	19021077	Vũ Đức Mạnh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
570	19021078	Cao Đức Mạnh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
571	19021079	Vũ Đức Mạnh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
572	19021080	Dương Công Minh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
573	19021081	Nguyễn Đức Minh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
574	19021082	Đàm Văn Minh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
575	19021083	Nguyễn Quang Minh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
576	19021084	Phạm Tuấn Nam	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
577	19021085	Lê Quang Nam	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
578	19021086	Nguyễn Văn Nam	K64CNCĐT-CLC	0	14,575,000	14,575,000
579	19021087	Phạm Thế Nam	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
580	19021088	Lê Hoài Nam	K64CNCĐT-CLC	-25,000	17,500,000	17,475,000
581	19021089	Trần Quang Nguyên	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
582	19021090	Tổng Văn Nguyên	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
583	19021091	Nguyễn Trọng Nhân	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
584	19021092	Nguyễn Vũ Phúc	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
585	19021093	Lâm Văn Phương	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
586	19021094	Nguyễn Chí Quân	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
587	19021095	Trịnh Hồng Quân	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
588	19021096	Nguyễn Vũ Quang	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
589	19021097	Lương Hồng Quang	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
590	19021098	Nguyễn Văn Quang	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
591	19021099	Cao Hồng Quang	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
592	19021100	Tô Minh Quang	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
593	19021101	Ngô Tiến Sáng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
594	19021102	Nguyễn Đức Thái Sơn	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
595	19021103	Nguyễn Tiến Trường Sơn	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
596	19021104	Trần Thế Sơn	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
597	19021105	Nguyễn Thế Sơn	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
598	19021107	Mai Ngọc Sơn	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
599	19021108	Trần Nhật Tân	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
600	19021109	Trịnh Minh Tân	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
601	19021110	Đình Văn Thắng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
602	19021111	Phạm Đức Thắng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
603	19021112	Hà Ngọc Thanh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
604	19021113	Đình Tuấn Thành	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
605	19021114	Bùi Tuấn Thành	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
606	19021115	Nguyễn Văn Thành	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
607	19021116	Nguyễn Quốc Thịnh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
608	19021117	Hoàng Văn Thịnh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
609	19021118	Trần Hữu Thịnh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
610	19021119	Phạm Minh Tiến	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
611	19021120	Phạm Minh Tiến	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
612	19021121	Ngô Minh tình	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
613	19021122	Nguyễn Thọ Toàn	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
614	19021123	Hoàng Văn Toàn	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
615	19021124	Nguyễn Hải Toàn	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
616	19021125	Mai Đình trinh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
617	19021127	Trần Bá Đan Trường	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
618	19021129	Đỗ Mạnh Tuấn	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20-21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
619	19021130	Bùi Thanh Tuấn	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
620	19021132	Vũ Đình Tùng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
621	19021133	Nguyễn Văn Tùng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
622	19021134	Nguyễn Xuân Tùng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
623	19021135	Trần Thanh Tùng	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
624	19021137	Đình Quang Vinh	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
625	19021138	Nguyễn Chu Long Vũ	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
626	19021139	Dương Quang Vũ	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
627	19021140	Nguyễn Đình Vỹ	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
628	19021141	Vũ Quang Xuân	K64CNCĐT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
629	19020033	Ngô Hải Đăng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
630	19020034	Trần Minh Hoàng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
631	19020035	Cao Nguyễn Hùng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
632	19020036	Vũ Hoàng Long	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
633	19020058	Bùi Đức Anh	K64CNTT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
634	19020060	Nguyễn Vũ Bình Dương	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
635	19020061	Dương Ngân Hà	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
636	19020063	Cao Đình Hoàng Minh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
637	19020064	Nguyễn Lê Minh Ngọc	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
638	19020065	Nguyễn Vinh Quang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
639	19020066	Hoàng Hữu Tùng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
640	19020067	Trần Việt Tùng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
641	19020068	Đặng Khánh Vinh	K64CNTT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
642	19020092	Vũ Đình Việt Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
643	19020093	Hoàng Hữu Bách	K64CNTT-CLC	0	19,100,000	19,100,000
644	19020095	Nguyễn Hùng Dũng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
645	19020098	Vương Vũ Đức Hoàng	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
646	19020099	Nguyễn Việt Hoàng	K64CNTT-CLC	0	25,500,000	25,500,000
647	19020100	Bùi Danh Hưng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
648	19020102	Nguyễn Anh Huy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
649	19020103	Dương Nhật Huy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
650	19020104	Nguyễn Ngọc Khang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
651	19020105	Nguyễn Duy Đức Khoa	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
652	19020106	Nguyễn Thế Kiên	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
653	19020107	Khuất Bảo Kiên	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
654	19020108	Nguyễn Mỹ Linh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
655	19020110	Trần Hoàng Bảo Long	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
656	19020111	Ngô Đức Mạnh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
657	19020112	Đặng Nhật Minh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
658	19020113	Nguyễn Bảo Minh	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
659	19020115	Phạm Hoàng Phi	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
660	19020116	Phan Đình Quân	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
661	19020117	Hoàng Nhật Quang	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
662	19020118	Lê Thu Trà	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
663	19020119	Dương Khánh Vân	K64CNTT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
664	19020120	Phan Đức Việt	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
665	19020126	Nguyễn Trọng Đạt	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
666	19020127	Chu Việt Hoàng	K64CNTT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
667	19020128	Nguyễn Bá Anh Tuấn	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
668	19021205	lã Quốc Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
669	19021207	Trần Quang Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
670	19021208	Nguyễn Đức Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
671	19021209	Trương Thị Kiều Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
672	19021210	Lý Hoàng Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
673	19021211	Dương Tú Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
674	19021212	Nguyễn Việt Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
675	19021213	Phan Hải Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
676	19021214	Vũ Tú Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
677	19021215	Đặng Thế Hoàng Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
678	19021216	Nguyễn Trung Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
679	19021217	Đinh Việt Anh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
680	19021218	Dương Nguyệt ánh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
681	19021219	Phạm Ngọc ánh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
682	19021220	Dương Quang Bách	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
683	19021221	Ngô Xuân Bách	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
684	19021222	Trần Xuân Bách	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
685	19021223	Trần Thanh Bách	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
686	19021224	Trương Gia Bình	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
687	19021225	Bùi Đăng Nam Bình	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
688	19021226	Nguyễn Thành Bồng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
689	19021227	Nguyễn Duy Cao	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
690	19021228	Vũ Đình Công	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
691	19021229	Đặng Trung Cương	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
692	19021230	Vũ Mạnh Cường	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
693	19021231	Lê Mạnh Cường	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
694	19021232	Nguyễn Mạnh Cường	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
695	19021233	Mai Công Danh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
696	19021234	Hà Văn Đạt	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
697	19021235	Ngô Quốc Đạt	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
698	19021236	Đỗ Văn Đạt	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
699	19021237	Nguyễn Thành Đạt	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
700	19021238	Đỗ Đình Đạt	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
701	19021239	Phạm Đức Đạt	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
702	19021240	Nguyễn Trọng Đạt	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
703	19021241	Nguyễn Quang Diệu	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
704	19021242	Hà Tiến Đức	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
705	19021243	Lò Anh Đức	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
706	19021244	Lê Tuấn Dũng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
707	19021245	Trần Long Dũng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
708	19021246	Phạm Anh Dũng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
709	19021247	Vũ Mạnh Dũng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
710	19021248	Đỗ Đại Dương	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
711	19021249	Nguyễn Tùng Dương	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
712	19021250	Phạm Quý Dương	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
713	19021252	Phạm Minh Duy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
714	19021253	Trịnh Thị Duyên	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
715	19021254	Lê Thị Bích Duyên	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
716	19021256	Hà Đông Giang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
717	19021257	Ngô Hồng Giang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
718	19021258	Đinh Thị Giang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
719	19021259	Nguyễn Trường Giang	K64CNTT-CLC	0	19,900,000	19,900,000
720	19021260	Lê Trường Giang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
721	19021261	Hoàng Đức Hà	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
722	19021263	Trần Xuân Hải	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
723	19021264	Nguyễn Văn Hải	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
724	19021265	Trần Thị Hằng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
725	19021267	Nguyễn Thị Thúy Hiền	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
726	19021268	Vũ Ngọc Hiền	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
727	19021269	Nguyễn Sinh Hiền	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
728	19021270	Đỗ Minh Hiếu	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
729	19021271	Nguyễn Trung Hiếu	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
730	19021272	Nguyễn Trung Hiếu	K64CNTT-CLC	0	11,650,000	11,650,000
731	19021273	Đỗ Minh Hiếu	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
732	19021274	Đặng Minh Hiếu	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
733	19021275	Bùi Minh Hiếu	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
734	19021276	Nguyễn Vũ Hiệu	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
735	19021277	Vũ Hồng Hiệu	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
736	19021278	Nghiêm Thị Quỳnh Hoa	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
737	19021279	Phạm Ngọc Hoa	K64CNTT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
738	19021280	Trần Huy Hoàn	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
739	19021281	Đinh Phú Hoàng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
740	19021282	Phạm Minh Hoàng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
741	19021283	Nguyễn Thế Hoàng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
742	19021284	Bùi Huy Hoàng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
743	19021285	Trần Minh Hoàng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
744	19021286	Nguyễn Hữu Hoàng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
745	19021287	Bùi Công Hoàng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
746	19021288	Lê Thị Minh Hồng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
747	19021289	Trần Khánh Hùng	K64CNTT-CLC	0	19,900,000	19,900,000
748	19021290	Nguyễn Văn Hùng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
749	19021291	Dương Việt Hùng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
750	19021292	Trần Quốc Hưng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
751	19021293	Đoàn Việt Hưng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
752	19021294	Vũ Quang Hưng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
753	19021295	Nguyễn Mạnh Hưng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
754	19021296	Nguyễn Thị Lan Hương	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
755	19021297	Trần Ngọc Hương	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
756	19021298	Nguyễn Thị hường	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
757	19021299	Nguyễn Đức Huy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
758	19021300	Đỗ Quang Huy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
759	19021301	Trương Gia Huy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
760	19021302	Hồ Quang Huy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
761	19021303	Nguyễn Đức Huy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
762	19021304	Ngô Văn Huy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
763	19021305	Lê Bá Gia Huy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
764	19021306	Hồ An Huy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
765	19021307	Bùi Khánh Huyền	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
766	19021308	Đỗ Ngọc Huyền	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
767	19021310	Nguyễn Xuân Khang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
768	19021311	Đặng Tiến Khánh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
769	19021312	Dương Hoàng Khánh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
770	19021313	Nguyễn Quốc Khánh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
771	19021314	Tổng Duy Khánh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
772	19021315	Phạm Thị Minh Khuê	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
773	19021317	Nguyễn Phúc Lâm	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
774	19021318	Lưu Văn Lâm	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
775	19021319	Đặng Xuân Lãm	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
776	19021320	Trần Duy Linh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
777	19021321	Vũ Đức Long	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
778	19021322	Trần Thế Mạnh Long	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
779	19021323	Trần Thành Long	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
780	19021324	Lê Thiên Lực	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
781	19021325	Nguyễn Hải Lưu	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
782	19021326	Phạm Ngọc Mai	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
783	19021327	Vũ Lê Mai	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
784	19021328	Lê Xuân Mạnh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
785	19021329	Nguyễn Tuấn Mạnh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
786	19021330	Phan Công Minh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
787	19021331	Phạm Vũ Minh	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
788	19021332	Nguyễn Quang Minh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
789	19021333	Nguyễn Công Minh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
790	19021334	Bùi Hoàng Nam	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
791	19021335	Trần Đình Nam	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
792	19021336	Trần Đồng Nam	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
793	19021337	Vũ Thế Nam	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
794	19021338	Hà Phương Nam	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
795	19021339	Đào Thị Ngát	K64CNTT-CLC	300,000	17,500,000	17,800,000
796	19021340	Nguyễn Hữu Nghĩa	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
797	19021341	Nguyễn Duy Ngọc	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
798	19021342	Phùng Sỹ Ngọc	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
799	19021343	Nguyễn Thị Nhung	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
800	19021344	Hoàng Bảo Phúc	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
801	19021346	Vương Thanh Phương	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
802	19021347	Bùi Thu Phương	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
803	19021349	Võ Minh Quân	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
804	19021350	Đỗ Mạnh Quân	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
805	19021351	Nguyễn Hồng Quân	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
806	19021353	Mai Nhật Quang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
807	19021354	Hoàng Minh Quang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
808	19021355	Ngô Đình Ngọc Quang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
809	19021356	Trần Văn Quang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
810	19021357	Nguyễn Huy Sáng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
811	19021358	Nguyễn Thế Sơn	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
812	19021359	Kiều Thái Sơn	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
813	19021361	bàng Ngọc Tân	K64CNTT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
814	19021362	Thân Hồng Thái	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
815	19021363	Nguyễn Minh Thái	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
816	19021364	Nguyễn Chí Thanh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
817	19021365	Hoàng Hữu Thanh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
818	19021367	Trần Văn Trọng Thành	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
819	19021368	Nguyễn Công Thành	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
820	19021369	Ngô Quang Thiện	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
821	19021370	Đào Duy Thượng	K64CNTT-CLC	800,000	17,500,000	18,300,000
822	19021371	Nguyễn Văn Thủy	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
823	19021372	Bùi Văn Toán	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
824	19021373	Phí Trần Toàn	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
825	19021374	Phạm Thị Minh Trang	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
826	19021375	Lê Quang Trung	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
827	19021376	Nguyễn Thành Trung	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
828	19021377	Đỗ Minh Trung	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
829	19021378	Lê Quang Trung	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
830	19021379	Trần Quang Trung	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
831	19021380	tào Văn Trường	K64CNTT-CLC	0	11,650,000	11,650,000
832	19021381	Nguyễn Văn Tú	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
833	19021383	Nguyễn Anh Tuấn	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
834	19021384	Nguyễn Mạnh Tuấn	K64CNTT-CLC	0	19,900,000	19,900,000
835	19021385	Đào Xuân Tùng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
836	19021386	Chu Thanh Tùng	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
837	19021387	Kiều Văn Tuyên	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
838	19021388	Kiều Văn Tuyên	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
839	19021389	Nguyễn Thị Hồng Vân	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
840	19021390	Đinh Ngọc Vân	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
841	19021391	Đàm Thanh Văn	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
842	19021392	Trần Quang Việt	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
843	19021393	Hà Long Việt	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
844	19021394	Nguyễn Đức Vinh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
845	19021395	Nguyễn Thành Vinh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
846	19021396	Phạm Thanh Vĩnh	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
847	19021397	Phạm Văn Vũ	K64CNTT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
848	19020073	Phạm Đức Trung	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
849	19021399	Hoàng An	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
850	19021400	Nguyễn Thị Vân Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
851	19021401	Lê Đức Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
852	19021402	Lê Hoàng Anh	K64ĐTVT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
853	19021404	Nguyễn Thế Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
854	19021405	chữ Việt Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
855	19021406	Trần Tuấn Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
856	19021407	Phạm Đức Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
857	19021408	Phạm Đức Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
858	19021409	Nguyễn Tuấn Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
859	19021410	Trần Thị Hải Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
860	19021411	Đinh Tiến Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
861	19021412	Nguyễn Lâm Anh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
862	19021413	Lê Xuân bắc	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
863	19021414	Phạm Minh Bảo	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
864	19021415	Trương Văn Bảo	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
865	19021416	Ngô Hải Bình	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
866	19021417	Dương Tấn Bình	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
867	19021418	Hồ Trần Bình	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
868	19021419	Phạm Đình Bình	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
869	19021420	Nguyễn Thành Công	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
870	19021421	Vũ Thành Công	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
871	19021422	Phạm Thái Công	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
872	19021423	Nguyễn Sỹ Đại	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
873	19021424	Hoàng Trọng Đại	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
874	19021425	Vũ Duy Đại	K64ĐTVT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
875	19021426	Nguyễn Minh Đăng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
876	19021427	Lê Hồng Đăng	K64ĐTVT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
877	19021428	Nguyễn Hữu Đạt	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
878	19021430	Nguyễn Đăng Đoàn	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
879	19021431	Phạm Văn Dự	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
880	19021432	Lương Nguyễn Minh Đức	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
881	19021433	Đỗ Anh Đức	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
882	19021434	Nguyễn Văn Đức	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
883	19021435	Tạ Minh Đức	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
884	19021437	Trần Minh Đức	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
885	19021438	Nguyễn Anh Đức	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
886	19021439	Phan Anh Đức	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
887	19021440	Phạm Công Dương	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
888	19021442	Trần Nhật Duy	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
889	19021443	Trịnh Trường Giang	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
890	19021444	Lương Thị Thuý Giang	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
891	19021445	Nguyễn Mạnh Hà	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
892	19021446	Hoàng Tuấn Hà	K64ĐTVT-CLC	0	13,405,000	13,405,000
893	19021447	Lê Hoàng Hải	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
894	19021448	Nguyễn Công Hải	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
895	19021449	Phạm Đức Hải	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
896	19021450	Đỗ Thị Hằng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
897	19021451	Ma Thanh Hiền	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
898	19021452	Phạm Minh Hiếu	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
899	19021453	Nguyễn Minh Hiếu	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
900	19021454	Vũ Ngọc Hoàng Hiếu	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
901	19021455	Nguyễn Huy Hoàng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
902	19021456	Trần Quốc Hoàng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
903	19021457	Nguyễn Đức Hoàng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
904	19021458	Phan Mạnh Hoàng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
905	19021459	Tô Hữu Hoàng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
906	19021460	Nguyễn Việt Hoàng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
907	19021461	Nguyễn Mạnh Hùng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
908	19021462	Kiều Quang Hùng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
909	19021463	Lê Minh Hưng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
910	19021464	Nguyễn Quang Huy	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
911	19021465	Trương Gia Huy	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
912	19021466	Nguyễn Danh Huy	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
913	19021467	Phan Đức Huy	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
914	19021468	Nguyễn Đăng Huy	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
915	19021469	diệp Lê Huy	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
916	19021470	Mai Văn Khải	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
917	19021471	Nguyễn Nam Khánh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
918	19021472	Nguyễn Nhật Khánh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
919	19021473	Đỗ Minh Khôi	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
920	19021474	Trịnh Tuấn khởi	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
921	19021475	Nguyễn Đức Kiên	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
922	19021476	Vũ TrungKiên	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
923	19021477	Phạm Tùng Lâm	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
924	19021478	Đình Quang Lâm	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
925	19021479	Lê Công Lịch	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
926	19021480	Lê Khánh Linh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
927	19021481	Nguyễn Văn Lợi	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
928	19021482	Vũ Hoàng Long	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
929	19021483	Phạm Hoàng Long	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
930	19021484	Nguyễn Trọng Mạnh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
931	19021485	Bùi Đức Mạnh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
932	19021486	Đỗ Hồng Minh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
933	19021487	Lê Hiếu Minh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
934	19021488	Bùi Ngọc Minh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
935	19021489	Trần Nguyễn Hoàng Nam	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
936	19021490	Nguyễn Bảo Nam	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
937	19021491	Đinh doãn Nam	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
938	19021492	Nguyễn Xuân Nam	K64ĐTVT-CLC	16,625,000	17,500,000	34,125,000
939	19021493	Nguyễn Văn Nam	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
940	19021494	Trần Xuân Nguyên	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
941	19021495	Nguyễn Trung Nguyên	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
942	19021496	hoà Văn Nguyên	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
943	19021497	Bùi Quang Nhật	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
944	19021498	Vũ Thị Hồng Nhung	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
945	19021499	Trần Quang Phú	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
946	19021501	Bùi Vũ Minh Quân	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
947	19021502	Hoàng Minh Quân	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
948	19021503	Trần Anh Quân	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
949	19021504	Lê Anh Quân	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
950	19021505	Lê Trung Quân	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
951	19021506	Nguyễn Minh Quang	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
952	19021507	Trần Việt Quang	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
953	19021508	Nguyễn Duy Quỳnh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
954	19021509	Trần Hoàng Sơn	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
955	19021510	Đào Nhật Tân	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
956	19021511	Nguyễn Minh Tân	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
957	19021513	Vũ Văn Thái	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
958	19021514	Phạm Đức Thành	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
959	19021515	Phạm Xuân Thành	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
960	19021516	Trần Bảo Thịnh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
961	19021517	Đàm Việt Thương	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
962	19021518	Vũ Sơn Thủy	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
963	19021519	Nguyễn Huy Tô	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
964	19021520	Tạ Văn Toàn	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
965	19021521	Chu Thanh Toàn	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
966	19021522	Lê Ngọc toàn	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
967	19021523	Lê Kiều Trang	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
968	19021525	Nguyễn Văn Triệu	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
969	19021526	Nguyễn Xuân Trường	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
970	19021527	Cần Quang Trường	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
971	19021528	Trần Xuân Trường	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
972	19021529	Phạm Minh Tú	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
973	19021530	Nguyễn Hữu Tú	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
974	19021531	Phạm Anh Tuấn	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
975	19021532	Trịnh Quốc Tuấn	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
976	19021533	Hoàng Mạnh Tùng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
977	19021534	Nguyễn Thanh Tùng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
978	19021535	Lê Đình Tùng	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
979	19021536	Lưu Khoa Văn	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
980	19021537	Lê Quốc Việt	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
981	19021538	Ngô Quốc Việt	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
982	19021539	Dương Hoàng Vinh	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
983	19021540	Đỗ Thái Vũ	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
984	19021541	Nguyễn Tuấn Vũ	K64ĐTVT-CLC	0	17,500,000	17,500,000
985	20020126	Hoàng Thảo Linh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
986	20020232	Nguyễn Quang Khải	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
987	20020240	Nguyễn Khánh Duy	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
988	20020241	Phạm Tiến Đạt	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
989	20020242	Trần Quang Hoà	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
990	20020243	Ngô Ngọc Quang	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
991	20020244	Trần Đức Thắng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
992	20021080	Nguyễn Tiến An	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
993	20021081	Bùi Tuấn Anh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
994	20021082	Lê Phan Anh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
995	20021083	Nguyễn Tuấn Anh	K65CĐT(C)	-114,000	17,500,000	17,386,000
996	20021084	Nguyễn Việt Anh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
997	20021085	Trần Quốc Anh	K65CĐT(C)	-4,998,900	17,500,000	12,501,100
998	20021086	Vũ Thế Anh	K65CĐT(C)	-5,658,000	17,500,000	11,842,000
999	20021087	Nguyễn Sơn Bách	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1000	20021088	Phạm Văn Bách	K65CĐT(C)	-5,265,000	17,500,000	12,235,000
1001	20021089	Hoàng Thanh Bình	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1002	20021090	Trần Thanh Bình	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1003	20021091	Đặng Quang Chiến	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1004	20021092	Vũ Đức Chiến	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1005	20021093	Đỗ Việt Chính	K65CĐT(C)	-4,914,000	17,500,000	12,586,000
1006	20021094	Nguyễn Văn Chính	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1007	20021095	Phạm Công Chính	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1008	20021097	Nguyễn Mạnh Cường	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1009	20021098	Phùng Thế Cường	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1010	20021099	Hà Mạnh Dũng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1011	20021100	Hoàng Minh Dũng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1012	20021101	Nguyễn Tiến Dũng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1013	20021102	Phạm Đức Dũng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1014	20021103	Vũ Đức Dũng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1015	20021104	Lê Bình Dương	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1016	20021105	Nguyễn Minh Dương	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1017	20021106	Nguyễn Quý Dương	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1018	20021107	Nguyễn Tùng Dương	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1019	20021108	Hoàng Tiến Đạt	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1020	20021109	Nguyễn Mạnh Đạt	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1021	20021110	Nguyễn Thành Đạt	K65CĐT(C)	-5,000,000	11,650,000	6,650,000
1022	20021111	Phan Tiến Đạt	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1023	20021112	Vũ Tuấn Đạt	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1024	20021113	Nguyễn Hữu Hải Đăng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1025	20021114	Mai Xuân Đình	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1026	20021115	Đào Hải Đông	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1027	20021116	Đặng Tiến Đông	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1028	20021117	Trần Mạnh Đức	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1029	20021118	Trương Minh Đức	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1030	20021119	Phương Trường Giang	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1031	20021120	Đặng Quang Hà	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1032	20021121	Hoàng Hồng Hải	K65CĐT(C)	-5,144,000	17,500,000	12,356,000
1033	20021122	Lê Hồng Hải	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1034	20021123	Nguyễn Hoàng Hiệp	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1035	20021124	Nguyễn Trọng Hiệp	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1036	20021125	Vũ Văn Hiệp	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1037	20021126	Lê Minh Hiếu	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1038	20021127	Nguyễn Duy Hiếu	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1039	20021128	Nguyễn Đức Hiếu	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1040	20021129	Nguyễn Khắc Hiếu	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1041	20021130	Phạm Trung Hiếu	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1042	20021131	Nguyễn Hữu Hình	K65CĐT(C)	-5,658,000	17,500,000	11,842,000
1043	20021132	Hà Việt Hoàng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1044	20021133	Nguyễn Danh Hoàng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1045	20021134	Nguyễn Huy Hoàng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1046	20021135	Nguyễn Văn Hoàng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1047	20021136	Phạm Minh Hoàng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1048	20021137	Phạm Việt Hoàng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1049	20021138	Trần Như Hùng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1050	20021139	Lê Hùng Huy	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1051	20021140	Phạm Quốc Huy	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1052	20021141	Phùng Đình Quang Huy	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1053	20021142	Lê Văn Hưng	K65CĐT(C)	-5,004,000	17,500,000	12,496,000
1054	20021143	Nguyễn Duy Hưng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1055	20021144	Nguyễn Hoàng Nhật Hưng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1056	20021145	Tông Duy Hưng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1057	20021146	Tô Đức Hưng	K65CĐT(C)	-1,114,000	17,500,000	16,386,000
1058	20021148	Đào Đức Khánh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1059	20021149	Nguyễn Đình Khánh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1060	20021150	Chu Văn Kiểm	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1061	20021151	Trần Bảo Liêm	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1062	20021152	Đào Nguyễn Hải Linh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1063	20021153	Trương Duy Linh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1064	20021154	Đỗ Vũ Thành Long	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1065	20021155	Đinh Duy Long	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1066	20021156	Hồ Sỹ Lộc	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1067	20021157	Đàm Thị Lương	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1068	20021158	Lê Đức Mạnh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1069	20021159	Trần Đức Mạnh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1070	20021160	Đặng Thái Minh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1071	20021161	Hồ Đức Minh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1072	20021162	Nguyễn Quang Minh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1073	20021163	Đinh Hữu Nam	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1074	20021164	Ngô Đức Nam	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1075	20021167	Trần Hoài Nam	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1076	20021168	Tô Bá Nghị	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1077	20021169	Bùi Trọng Đức Nghĩa	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1078	20021170	Đoàn Trung Nghĩa	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1079	20021171	Nguyễn Thế Nghĩa	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1080	20021172	Vũ Tuấn Nghĩa	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1081	20021173	Nguyễn Phạm Hải Ninh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1082	20021174	Bùi Tá Phong	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1083	20021175	Bùi Văn Phương	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1084	20021176	Nguyễn Văn Phương	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1085	20021177	Đào Duy Quân	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1086	20021178	Lê Minh Quân	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1087	20021179	Trần Trọng Sang	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1088	20021180	Phạm Thanh Sơn	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1089	20021181	Lê Trọng Tấn	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1090	20021182	Nguyễn Văn Thám	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1091	20021183	Hoàng Tiến Thành	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1092	20021184	Phạm Xuân Thành	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1093	20021185	Trương Anh Thành	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1094	20021186	Hà Thị Thắm	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1095	20021187	Đào Duy Thắng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1096	20021188	Lê Việt Thắng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1097	20021189	Nguyễn Văn Thắng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1098	20021190	Nguyễn Mạnh Thê	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1099	20021191	Nguyễn Xuân Thịnh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1100	20021192	Nguyễn Hoàng Thụy	K65CĐT(C)	-5,658,000	17,500,000	11,842,000
1101	20021193	Phạm Ngọc Thư	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1102	20021194	Thạch Thị Thu Thương	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1103	20021195	Kiều Văn Tiến	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1104	20021196	Phạm Văn Tiếp	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1105	20021197	Trần Trần	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1106	20021198	Nguyễn Đức Trung	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1107	20021199	Trần Quang Trung	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1108	20021200	Đoàn Mạnh Trường	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1109	20021201	Hà Nhật Trường	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1110	20021203	Nguyễn Minh Tú	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1111	20021204	Nguyễn Văn Tú	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1112	20021205	Hoàng Anh Tuấn	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1113	20021206	Nguyễn Việt Tuấn	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1114	20021208	Vũ Duy Tùng	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1115	20021209	Nguyễn Nghĩa Văn	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1116	20021210	Bùi Quốc Việt	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1117	20021211	Trần Quốc Việt	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1118	20021212	Nguyễn Hồng Vinh	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1119	20021213	Lê Hoàng Lâm Vũ	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1120	20021214	Nguyễn Văn Vũ	K65CĐT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1121	20020351	Nông Văn Mạnh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1122	20020352	Trần Nguyên Tường	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1123	20021280	Nguyễn Thành An	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1124	20021281	Phan Hiền An	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1125	20021282	Vũ Hữu An	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1126	20021284	Đỗ Ngọc Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1127	20021286	Lê Tuấn Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1128	20021287	Lê Tuấn Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1129	20021289	Mai Hoàng Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1130	20021290	Nguyễn Phạm Minh Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1131	20021291	Nguyễn Phạm Tú Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1132	20021292	Nguyễn Tuấn Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1133	20021293	Phạm Tuấn Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1134	20021295	Trần Đức Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1135	20021296	Trần Đức Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1136	20021297	Trần Tuấn Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1137	20021298	Vũ Nhật Anh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1138	20021299	Bùi Văn Bách	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1139	20021301	Nguyễn Quốc Bảo	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1140	20021302	Tạ Thành Bảo	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1141	20021304	Chữ Tuấn Bình	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1142	20021305	Hoàng Mạnh Bình	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1143	20021306	Nguyễn Đức Chính	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1144	20021307	Nguyễn Đình Chính	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1145	20021311	Lê Quốc Cường	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1146	20021312	Thân Hùng Cường	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1147	20021313	Trần Thị Huyền Diệu	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1148	20021315	Đỗ Quốc Dũng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1149	20021316	Hà Việt Dũng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1150	20021317	Nguyễn Vinh Dũng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1151	20021318	Lê Đức Duy	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1152	20021319	Trần Văn Duy	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1153	20021320	Bùi Thùy Dương	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1154	20021321	Nguyễn Hoàng Dương	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1155	20021322	Phùng ánh Dương	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1156	20021323	Trần Minh Dương	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1157	20021324	Đỗ Thành Đạt	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1158	20021325	Hà Hoàng Tiến Đạt	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1159	20021326	Lâm Tiến Đạt	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1160	20021327	Nguyễn Tiến Đạt	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1161	20021328	Trịnh Quốc Đạt	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1162	20021329	Đào Trọng Đăng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1163	20021330	Nguyễn Hồng Đăng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1164	20021331	Trương Văn Độ	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1165	20021332	Đỗ Minh Đức	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1166	20021333	Đàm Anh Đức	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1167	20021334	Đào Văn Đức	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1168	20021335	Đặng Minh Đức	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1169	20021336	Nguyễn Anh Đức	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1170	20021337	Nguyễn Minh Đức	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1171	20021338	Nguyễn Văn Đức	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1172	20021340	Hoàng Thu Giang	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1173	20021341	Đỗ Hoàng Hà	K65CNTT(C)	-5,014,000	17,500,000	12,486,000
1174	20021342	Nguyễn Ngọc Hải	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1175	20021343	Nguyễn Hồng Hạnh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1176	20021345	Phạm Kim Minh Hằng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1177	20021346	Bùi Đắc Hiên	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1178	20021347	Nguyễn Duy Hiến	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1179	20021348	Đỗ Xuân Hiệp	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1180	20021349	Nguyễn Ngọc Hiệp	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1181	20021350	Nguyễn Tuấn Hiệp	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1182	20021351	Dương Hiếu	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1183	20021352	Đặng Minh Hiếu	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1184	20021353	Lê Đức Hiếu	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1185	20021354	Lê Trung Hiếu	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1186	20021355	Ngô Trần Trọng Hiếu	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1187	20021356	Nguyễn Minh Hiếu	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1188	20021357	Vũ Đức Hiếu	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1189	20021358	Nguyễn Khải Hoàn	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1190	20021359	Bùi Huy Hoàng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1191	20021360	Nguyễn Bùi Việt Hoàng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1192	20021361	Nguyễn Đình Hoàng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1193	20021363	Vương Đức Hợp	K65CNTT(C)	-5,000,000	13,405,000	8,405,000
1194	20021364	Cần Mạnh Hùng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1195	20021365	Đỗ Quang Huy	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1196	20021366	Giáp Văn Huy	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1197	20021367	Nguyễn Quang Huy	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1198	20021369	Trần Quang Huy	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1199	20021370	Nguyễn Văn Hưng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1200	20021371	Trần Duy Hưng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1201	20021372	Hoàng Đình Trọng Khánh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1202	20021374	Nguyễn Thế Khánh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1203	20021375	Nguyễn Văn Khánh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1204	20021376	Nguyễn Công Khoa	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1205	20021377	Phạm Huy Khôi	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1206	20021378	Lương Trung Kiên	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1207	20021379	Nguyễn Duy Kiên	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1208	20021381	Vũ Trung Kiên	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1209	20021382	Phạm Công Lân	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1210	20021383	Đặng Việt Linh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1211	20021385	Đỗ Ngọc Long	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1212	20021386	Nguyễn Đức Hoàng Long	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1213	20021387	Nguyễn Phúc Long	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1214	20021388	Phạm Đức Long	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1215	20021389	Nguyễn Khánh Thọ Lộc	K65CNTT(C)	-5,000,000	11,650,000	6,650,000
1216	20021390	Đỗ Duy Mạnh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1217	20021391	Đỗ Đức Minh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1218	20021392	Lưu Đạt Tuấn Minh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1219	20021393	Nguyễn An Minh	K65CNTT(C)	-5,658,000	17,500,000	11,842,000
1220	20021394	Nguyễn Lê Minh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1221	20021395	Nguyễn Quang Minh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1222	20021396	Phạm Trung Minh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1223	20021398	Nguyễn Tuấn Nam	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1224	20021399	Trần Thị Ngân	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1225	20021400	Bế Trọng Nghĩa	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1226	20021402	Lê Trung Nghĩa	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1227	20021403	Lê Thị Mỹ Ngọc	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1228	20021406	Nguyễn Phúc Nguyên	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1229	20021407	Vũ Minh Nhật	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1230	20021408	Lê Thị Cẩm Nhung	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1231	20021409	Đỗ Tuấn Phi	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1232	20021410	Nguyễn Văn Phong	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1233	20021411	Bùi Mai Phương	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1234	20021413	Phạm Minh Quang	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1235	20021414	Đỗ Minh Quân	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1236	20021415	Nguyễn Anh Quân	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1237	20021416	Nguyễn Đức Anh Quân	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1238	20021417	Phạm Duy Minh Quân	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1239	20021418	Nguyễn Minh Quý	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1240	20021419	Hoàng Minh Quý	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1241	20021420	Nguyễn Quốc Quý	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1242	20021421	Phạm Thị Quyên	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1243	20021422	Đào Văn Quyền	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1244	20021423	Nguyễn Trương Quyết	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1245	20021424	Nguyễn Diệu Quỳnh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1246	20021425	Nguyễn Thị Quỳnh	K65CNTT(C)	-5,658,000	17,500,000	11,842,000
1247	20021426	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1248	20021427	Bùi Minh Sơn	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1249	20021428	Bùi Minh Sơn	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1250	20021429	Cao Xuân Sơn	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1251	20021430	Nông Ngọc Sơn	K65CNTT(C)	-5,000,000	13,405,000	8,405,000
1252	20021431	Trần Mạnh Sơn	K65CNTT(C)	-5,004,000	17,500,000	12,496,000
1253	20021432	Trần Thanh Sơn	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1254	20021433	Hoàng Tú Tài	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1255	20021434	Lê Huy Thái	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1256	20021435	Phạm Công Thành	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1257	20021436	Vũ Việt Thành	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1258	20021437	Đỗ Chiến Thắng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1259	20021438	Đỗ Như Thắng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1260	20021439	Phan Duy Thắng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1261	20021440	Tạ Văn Thắng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1262	20021441	Hoàng Nam Thế	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1263	20021442	Lê Phúc Thiệp	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1264	20021444	Vũ Đức Thịnh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1265	20021449	Phạm Văn Tiến	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1266	20021450	Trần Minh Tiến	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1267	20021451	Bùi Anh Toàn	K65CNTT(C)	-4,914,000	17,500,000	12,586,000
1268	20021452	Phạm Ngọc Toàn	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1269	20021454	Trần Huyền Trang	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1270	20021455	Đặng Thành Trung	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1271	20021456	Nguyễn Minh Trung	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1272	20021457	Nguyễn Việt Trung	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1273	20021459	Trịnh Công Trung	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1274	20021460	Đỗ Anh Tú	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1275	20021461	Nguyễn Lưu Tú	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1276	20021462	Nguyễn Trung Tú	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1277	20021463	Đỗ Duy Tuấn	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1278	20021464	Lê Anh Tuấn	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1279	20021465	Nguyễn Đức Tuấn	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1280	20021466	Nguyễn Minh Tuấn	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1281	20021467	Bá Thanh Tùng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1282	20021469	Nguyễn Đức Tùng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1283	20021471	Phạm Đức Tùng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1284	20021472	Trần Thanh Tùng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1285	20021473	Vũ Thanh Tùng	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1286	20021474	Cao Xuân Tuyên	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1287	20021475	Lê Phương Uyên	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1288	20021476	Nguyễn Duy Việt	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1289	20021477	Phạm Thành Vinh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1290	20021478	Trịnh Công Vinh	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1291	20021479	Nguyễn Văn Minh Vũ	K65CNTT(C)	-5,144,000	17,500,000	12,356,000
1292	20021480	Nguyễn Thị Hải Yến	K65CNTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1293	20020089	Nguyễn Hữu Khiêm	K65ĐTVT(C)	-5,014,000	17,500,000	12,486,000
1294	20020090	Trần Phan Nguyên	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1295	20020091	Nguyễn Như Phúc	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1296	20020245	Vũ Khắc An	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1297	20020246	Nguyễn Mạnh Hùng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1298	20020247	Hoàng Tùng Quân	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1299	20020248	Nguyễn Vũ Tùng Quân	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1300	20020249	Phạm Bá Thành	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1301	20020250	Đỗ Mạnh Toàn	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1302	20020251	Nguyễn Đức Trung	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1303	20020331	Nguyễn Thành Tài	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1304	20020353	Lô Đức Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1305	20021481	Chu Tuấn Anh	K65ĐTVT(C)	-4,514,000	17,500,000	12,986,000
1306	20021482	Đặng Tuấn Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1307	20021484	Hoàng Thị Phương Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1308	20021485	Lê Tuấn Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1309	20021486	Lê Vũ Tuấn Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1310	20021487	Nguyễn Duy Hoàng Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1311	20021488	Nguyễn Thị Vân Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1312	20021489	Nguyễn Việt Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1313	20021490	Tạ Hoàng Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1314	20021491	Trịnh Tuấn Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1315	20021492	Vũ Hoàng Anh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1316	20021493	Cao Xuân Bình	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1317	20021494	Ngô Đức Bình	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1318	20021495	Ninh Hải Bình	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1319	20021496	Nguyễn Khắc Chiến	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1320	20021498	Lại Mạnh Cường	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1321	20021499	Nguyễn Việt Cường	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1322	20021500	Phạm Văn Cường	K65ĐTVT(C)	-4,924,000	17,500,000	12,576,000
1323	20021501	Phạm Công Danh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1324	20021502	Vũ Mạnh Dinh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1325	20021504	Nguyễn Ngọc Dũng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1326	20021505	Nguyễn Văn Dũng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1327	20021507	Đình Triệu Đan	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1328	20021509	Nguyễn Anh Đạt	K65ĐTVT(C)	-4,800,000	17,500,000	12,700,000
1329	20021510	Nguyễn Duy Đạt	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1330	20021511	Nguyễn Phúc Đạt	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1331	20021512	Trần Văn Đạt	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1332	20021513	Nguyễn Hải Đăng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1333	20021514	Phí Văn Đông	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1334	20021515	Lê Đức	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1335	20021516	Lê Quang Đức	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1336	20021517	Ngô Minh Đức	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1337	20021518	Nguyễn Hoàng Đức	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1338	20021519	Nguyễn Minh Đức	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1339	20021520	Nguyễn Năng Đức	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1340	20021521	Phạm Minh Đức	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1341	20021522	Phạm Vũ Minh Đức	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1342	20021524	Trần Sơn Hải	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1343	20021525	Nguyễn Tiến Hạnh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1344	20021526	Nguyễn Đức Hiệp	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1345	20021527	Đỗ Xuân Hiếu	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1346	20021529	Nguyễn Trung Hiếu	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20-21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1347	20021530	Nguyễn Văn Hiếu	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1348	20021531	Bùi Thị Hoàn	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1349	20021532	Ngô Doãn Hoàng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1350	20021533	Trần Ngọc Huy Hoàng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1351	20021534	Vũ Đức Hoàng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1352	20021535	Bùi Đức Huy	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1353	20021536	Dương Quốc Huy	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1354	20021537	Đặng Cao Huy	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1355	20021538	Mai Mạnh Huy	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1356	20021539	Nguyễn Hữu Huy	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	11,650,000	6,650,000
1357	20021540	Trần Mạnh Huy	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1358	20021541	Trần Văn Huy	K65ĐTVT(C)	-3,114,000	17,500,000	14,386,000
1359	20021543	Nguyễn Văn Hưng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1360	20021544	Nguyễn Quang Khải	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1361	20021545	Vũ Tuấn Kiệt	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1362	20021546	Trần Phương Lâm	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1363	20021547	Đỗ Mạnh Linh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1364	20021548	Nguyễn Văn Long	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1365	20021549	Hoàng Thành Lợi	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1366	20021550	Trần Thế Lực	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1367	20021551	Lê Thị Ly	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1368	20021552	Trịnh Công Mạnh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1369	20021553	Lương Hồng Minh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1370	20021554	Nguyễn Duy Minh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1371	20021555	Nguyễn Như Minh	K65ĐTVT(C)	-5,658,000	17,500,000	11,842,000
1372	20021556	Phạm Hải Minh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1373	20021557	Vũ Trường Minh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1374	20021558	Nguyễn Phương Nga	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1375	20021559	Đoàn Tuấn Nghĩa	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1376	20021560	Nguyễn Thị Ngoan	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1377	20021562	Trần Đỗ Khôi Nguyên	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1378	20021563	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1379	20021564	Hoàng Minh Nhật	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1380	20021565	Vũ Thị Lan Nhi	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1381	20021566	Đình Hải Phong	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1382	20021567	Lâm Thiên Phong	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1383	20021568	Ngô Lê Xuân Phúc	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1384	20021569	Hoàng Đức Phương	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1385	20021570	Nguyễn Thanh Phương	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1386	20021571	Khiều Minh Quang	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1387	20021572	Hoàng Anh Quân	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1388	20021573	Phạm Đình Quân	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1389	20021574	Vũ Minh Quân	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1390	20021575	Phạm Đình Quý	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1391	20021576	Bùi Ngọc Sơn	K65ĐTVT(C)	-5,658,000	17,500,000	11,842,000
1392	20021577	Đào Thái Sơn	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1393	20021578	Nguyễn Sỹ Sơn	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1394	20021579	Nguyễn Thanh Sơn	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1395	20021580	Nguyễn Minh Tâm	K65ĐTVT(C)	-4,892,000	17,500,000	12,608,000
1396	20021581	Nguyễn Trí Thành	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1397	20021582	Phùng Đình Thành	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1398	20021583	Đỗ Đức Thắng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1399	20021584	Phí Đức Thắng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1400	20021585	Đặng Xuân Thương	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1401	20021586	Vũ Minh Tiến	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1402	20021587	Nguyễn Như Tình	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1403	20021588	Nguyễn Thị Trang	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1404	20021589	Nguyễn Thu Trang	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1405	20021590	Lê Thành Trung	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1406	20021591	Nguyễn Quang Trung	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1407	20021592	Nguyễn Huy Tú	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1408	20021593	Hoàng Anh Tuấn	K65ĐTVT(C)	-4,914,000	17,500,000	12,586,000
1409	20021594	Nguyễn Anh Tuấn	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1410	20021595	Nguyễn Minh Tuấn	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1411	20021596	Trần Đình Anh Tuấn	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1412	20021598	Vũ Huy Tùng	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1413	20021599	Ngô Hoàng Khánh Văn	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1414	20021601	Nguyễn Quang Vinh	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1415	20021602	Lê Anh Vũ	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1416	20021603	Nguyễn Long Vũ	K65ĐTVT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1417	20020252	Bùi Thành Vinh	K65ĐTVT(CLC)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1418	20020123	Trần Thị Phước Anh	K65HTTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1419	20020124	Nguyễn Tuấn Dũng	K65HTTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1420	20020125	Phạm Xuân Hiệu	K65HTTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1421	20020273	Nguyễn Bá Hà Anh	K65HTTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1422	20020274	Đỗ Thị ánh Dương	K65HTTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1423	20020275	Nguyễn Đức Hiệp	K65HTTT(C)	-5,265,000	17,500,000	12,235,000
1424	20020276	Nguyễn Minh Trí	K65HTTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1425	20020328	Nguyễn Thái Bình	K65HTTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1426	20020329	Lê Quang Trường	K65HTTT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1427	20020014	Lê Đức Mai Hoàng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1428	20020015	Phạm Nguyễn Tuấn Hoàng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1429	20020016	Nguyễn Quang Huy	K65KHMT(C)	-5,265,000	17,500,000	12,235,000
1430	20020021	Dương Bảo Long	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1431	20020029	Trịnh Hữu Tân	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1432	20020074	Nguyễn Đức Anh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1433	20020075	Dương Đình Ngọc Bách	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1434	20020076	Nguyễn Trung Dũng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1435	20020077	Trần Văn Đức	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1436	20020078	Ngô Đức Hùng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1437	20020079	Phạm Gia Khiêm	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1438	20020080	Hoàng Đức Mạnh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1439	20020081	Nguyễn Tân Minh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1440	20020082	Lê Minh Quyết	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1441	20020083	Nguyễn Hoàng Trung	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1442	20020127	Hoàng Ngọc Kiều Anh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1443	20020128	Hoàng Vũ Anh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1444	20020129	Đàm Nguyệt ánh	K65KHMT(C)	-4,114,000	17,500,000	13,386,000
1445	20020130	Trần Gia Bảo	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1446	20020131	Khuất Nguyên Cương	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1447	20020132	Nguyễn Minh Đức	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1448	20020133	Nguyễn Tuấn Hải	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1449	20020134	Đặng Minh Hằng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1450	20020135	Dương Danh Hiếu	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1451	20020136	Nguyễn Trung Hiếu	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1452	20020137	Phạm Huy Hiệu	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1453	20020138	Phạm Công Mạnh Hùng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1454	20020139	Đỗ Việt Hưng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1455	20020140	Nguyễn Quốc Khánh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1456	20020141	Trần Đình Gia Khánh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1457	20020142	Đỗ Trung Kiên	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1458	20020143	Trần Nguyễn Hoàng Lan	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1459	20020144	Đặng Hoàng Long	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1460	20020145	Nguyễn Đức Lộc	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1461	20020146	Nguyễn Quang Minh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1462	20020147	Trần Ngọc Minh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1463	20020148	Lê Đình Nghĩa	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1464	20020149	Phan Thanh Ngọc	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1465	20020150	Trần Bá Phong	K65KHMT(C)	-5,004,000	17,500,000	12,496,000
1466	20020151	Nguyễn Đăng Minh Phương	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1467	20020152	Đoàn Minh Quân	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1468	20020153	Đoàn Thanh Sơn	K65KHMT(C)	-5,002,000	17,500,000	12,498,000
1469	20020154	Đình Tiến Thành	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1470	20020155	Ngô Văn Minh Thắng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1471	20020156	Phạm Đức Thắng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1472	20020157	Đỗ Trọng Thư	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1473	20020158	Dương Đức Tùng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1474	20020159	Nguyễn Sơn Tùng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1475	20020160	Nguyễn Hoàng Việt	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1476	20020185	Nguyễn Phương Khanh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1477	20020222	Nguyễn Văn Hà	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1478	20020223	Nguyễn Huỳnh Trà My	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1479	20020224	Phạm Việt Quang	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1480	20020225	Nguyễn Quốc Trung	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1481	20020236	Lương Hoàng Minh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1482	20020237	Hoàng Nguyễn Minh Trang	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1483	20020238	Nguyễn Đức Việt Trường	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1484	20020269	Mai Anh Tuấn	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1485	20020277	Nguyễn Hà An	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1486	20020278	Nguyễn Thái An	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1487	20020279	Hà Nam Anh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1488	20020280	Lê Phan Anh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1489	20020281	Lê Tuấn Anh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1490	20020282	Vũ Đức Cương	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1491	20020283	Nguyễn Đức Cường	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1492	20020284	Hoàng Việt Dũng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1493	20020285	Nguyễn Quang Dũng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1494	20020286	Phạm Tiên Dũng	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1495	20020287	Dương Đức Duy	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1496	20020289	Chu Tiên Đạt	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1497	20020290	Nguyễn Trần Độ	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1498	20020291	Lê Minh Đức	K65KHMT(C)	-5,022,000	17,500,000	12,478,000
1499	20020292	Phạm Duy Hải	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1500	20020293	Nguyễn Chí Hiên	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1501	20020294	Tổng Đăng Huy	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1502	20020295	Nguyễn Đăng Huỳnh	K65KHMT(C)	-5,014,000	17,500,000	12,486,000

TT	Mã SV	Họ và tên	Nợ các kỳ trước	Trừ tiền đã nộp/Cộng tiền nợ trước (đ)	QĐ thu kỳ 1/20- 21 (đ)	Tổng phải nộp (đ)
1503	20020296	Hoàng Việt Khánh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1504	20020297	Phạm Gia Linh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1505	20020299	Nguyễn Danh Minh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1506	20020301	Phạm Đức Minh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1507	20020302	Phan Hoàng Tuấn Minh	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1508	20020303	Chu Đăng Nghĩa	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1509	20020304	Đình Công Nguyên	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1510	20020305	Trần Đình Nhân	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1511	20020306	Lê Nhật Quang	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1512	20020307	Phạm Việt Quang	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1513	20020308	Vũ Minh Quang	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1514	20020309	Lê Việt Quân	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1515	20020310	Nguyễn Duy Quý	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1516	20020311	Lê Minh Sơn	K65KHMT(C)	180,000	17,500,000	17,680,000
1517	20020312	Nguyễn Trường Thành	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1518	20020313	Vũ Thị Thi	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1519	20020314	Vũ Minh Vương	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1520	20020356	Lê Hoàng Đại Dương	K65KHMT(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1521	20020007	Nguyễn Thái Dương	K65MT-TDL(C)	-2,614,000	17,500,000	14,886,000
1522	20020180	Đỗ Huy Anh	K65MT-TDL(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1523	20020181	Nguyễn Đức Dũng	K65MT-TDL(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1524	20020182	Đào Trung Kiên	K65MT-TDL(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1525	20020321	Trần Nam Hải	K65MT-TDL(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1526	20020322	Đỗ Lê Mạnh Hùng	K65MT-TDL(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1527	20020323	Hồ Thanh Huyền	K65MT-TDL(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1528	20020324	Phạm Thị Khánh Linh	K65MT-TDL(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000
1529	20020325	Phan Anh Quân	K65MT-TDL(C)	-5,064,000	17,500,000	12,436,000
1530	20020326	Bùi Quốc Việt	K65MT-TDL(C)	-5,000,000	17,500,000	12,500,000